

Câu trắc nghiệm mẫu C#

Câu: 1

Đoạn code sau in ra những gì:

```
public class Component
{
    public static readonly Int32 c = 1;
    static Component()
    {
        c = 5;
    }
    static void Main()
    {
        Console.WriteLine(Component.c);
    }
}
```

- a) 1
- b) 5
- c) Lỗi biên dịch
- d) khác

Câu: 2

Một chương trình C# có thể chạy trên bất cứ máy nào?

- a) Đúng
- b) Sai, Một chương trình C# chỉ chạy trên máy có hỗ trợ Common Language Runtime (CLR).
- c) Sai, Một chương trình C# không chạy được trong hệ điều hành Linux.

Câu: 3

Một file nguồn C# khi biên dịch sẽ được biên dịch thành

- a) Mã máy có thể được thực thi ngay được.
- b) Mã trung gian (IL)
- c) Mã ByteCode
- d) Đáp án khác

Câu: 4

Lớp Test được cài đặt như bên dưới, câu lệnh nào sau đây hợp lệ:

```
class Test
{
    public static int mark;
    public static void Print() { }
}
```

- a) Test t = new Test(); t.mark = 9;
- b) Test t = new Test(); t.Print();
- c) Test.mark = 9;
- d) Test.Print(9);

Câu: 5

Lớp Test được cài đặt như bên dưới, các câu lệnh sau được viết ngoài lớp Test, câu lệnh nào sau đây hợp lệ:

```
class Test
{
    protected static int mark;
    public void Print() { }
}
```

- a) Test t = new Test(); t.mark = 9;
- b) Test t = new Test(); t.Print();
- c) Test.mark = 9;
- d) Test.Print();

Câu: 6

Trong C#, không cài đặt phần thân của phương thức.

- a) Phương thức.
- b) Phương thức trừu tượng. (được khai báo với từ khoá abstract)
- c) Class
- d) Struct.

Câu: 7

Từ khoá nào sau đây dùng để khai báo một lớp ảo thuần túy trong C#

- a) default
- b) sealed
- c) abstract
- d) final

Câu: 8

Read- only property được tạo ra khi ta chỉ cài đặt?

- a) *get* accessor method
- b) *set* accessor method
- c) Cả A và B đều đúng
- d) Cả A và B đều sai.

Câu: 9

Write-Only property được tạo ra khi ta:

- a) chỉ cài đặt *get* accessor method
- b) chỉ cài đặt *set* accessor method
- c) Cả *get* và *set* accessor.
- d) Cả a, b, c đều sai.

Câu: 10

Để khai báo một mảng 10 phần tử kiểu `int`, khai báo nào sau đây đúng

- a) `int[10] arr;`
- b) `int arr[10];`
- c) `int arr[] = new int [10];`
- d) `int[] arr = new int[10];`

Câu: 11

Trong C#, Để xuất một chuỗi ra màn hình và đưa con trỏ màn hình xuống dòng dưới ta dùng phương thức nào của lớp `System.Console`

- a) `Read`

- b) ReadLine
- c) Write
- d) WriteLine

Câu: 12

Câu lệnh nào sau đây không bị lỗi khi biên dịch

- a) `int i=2; if (i==1) Console.WriteLine(i);`
- b) `int i=2; if (i=1) Console.WriteLine(i);`
- c) `int i=2; if (i) Console.WriteLine(i);`
- d) `if (2) Console.WriteLine(i);`

Câu: 13

Trong C#, để khai báo một phương thức của lớp là phương thức tĩnh ta dùng từ khoá

- a) public
- b) static
- c) void
- d) intenal

Câu: 14

Từ khoá nào sau đây được dùng khi lớp con muốn cài đặt lại phương thức được thừa kế từ lớp cha

- a) new
- b) override
- c) virtual
- d) abstract

Câu: 15

Trong C#, cấu trúc nào sau đây được dùng để bắt và xử lý các ngoại lệ

- a) if/else
- b) try/catch
- c) catch/finally
- d) do/loop

Câu: 16

Mỗi khối try/ catch có tối đa bao nhiêu finally

- a) 1
- b) 2
- c) 3
- d) vô số

Câu 17

Chương trình sau in ra những gì:

```
namespace ResizeArray1
{
    class Program
    {
        static void Main(string[] args)
        {
            int[] arr = { 4, 2, 5 };
            Array.Resize<int>(ref arr, 4);
            arr[3] = 9;
            arr[4] = 10;

            for (int i = 0; i < arr.Length; i++)
                Console.Write(arr[i]+" ");

            Console.Read();
        }
    }
}
```

- a) 4 2 5 9
- b) 4 2 5 9 10
- c) Lỗi: Chỉ số thì nằm ngoài phạm vi của mảng (Index was outside the bounds of the array).

Câu 18

Chương trình sau in ra những gì:

```
namespace LINQ1
{
    class Program
    {
        static void Main(string[] args)
        {
            int[] numbers = new int[7] { 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6 };
            var numQuery = from num in numbers
                           where (num % 2) == 0
                           orderby num descending
                           select num;
            foreach (int i in numQuery)
                Console.Write(i + " ");

            Console.Read();
        }
    }
}
```

- a) 6 4 2 0
- b) 0 2 4 6
- c) 0 1 2 3 4 5 6
- d) Không in ra gì cả

Câu 19

Chương trình sau in ra những gì:

```
namespace Dictionary1
{
    class Program
    {
        static void Main(string[] args)
        {
            Dictionary<string, int> dic = new Dictionary<string,int>();
            dic["Three"] = 3;
            dic["One"] = 1;
            dic.Add("Two", 2);
            StringBuilder str = new StringBuilder();
            foreach (KeyValuePair<string, int> i in dic)
                str.AppendLine(i.ToString());
            Console.Write(str);
            Console.Read();
        }
    }
}
```

a)

[Three, 3]

[One, 1]

[Two, 2]

b) Three One Two

c) 3 1 2

d)

[One, 1]

[Two, 2]

[Three, 3]

Câu 20

Trong một ứng dụng C# có đoạn code cần tính giá sánh trung bình, ví dụ, select avg(dongia) from Sach, với Sach là một table của CSDL trong MS SQL Server. Ta phải dùng phương thức nào của đối tượng SqlCommand để truy vấn CSDL có kết quả đúng và tốt nhất.

- a) Read
- b) ExecuteNonQuery
- c) ExecuteScalar
- d) ExecuteReader